

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 693 /NĐTW - HCQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2024

V/v: Mời gửi báo giá làm cơ sở xây
dựng dự toán gói thầu trang phục,
đồng phục, bảo hộ lao động cho nhân
viên Bệnh viện năm 2024.

Kính gửi: Các doanh nghiệp trên địa bàn

Căn cứ Quyết định số: 882 /QĐ-NĐTW ngày 17 tháng 6 năm 2024 về
việc phê duyệt danh mục, số lượng, quy cách, yêu cầu kỹ thuật may trang phục,
đồng phục, bảo hộ lao động cho nhân viên bệnh viện tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới
Trung ương. Để có cơ sở xây dự toán cho gói thầu, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới
Trung ương kính mời các đơn vị quan tâm gửi báo theo danh mục, số lượng, yêu
cầu kỹ thuật đính kèm.

Thư chào giá được scan (chụp) gửi qua địa chỉ email: hcqt@nhtd.vn. Thời
gian gửi đến: Trước 16 giờ 00 phút, ngày 20 / 06 /2024. Chi tiết liên hệ CN Dũng
phòng Hành chính Quản trị, điện thoại 0936151982.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *H*
- Trang Web Bệnh viện;
- Lưu VT HCQT.

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
BỆNH NHIỆT ĐỚI
TRUNG ƯƠNG
Phạm Ngọc Thạch
*Phạm Ngọc Thạch

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, QUY CÁCH VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
MAY TRANG PHỤC, ĐỒNG PHỤC, BẢO HỘ LAO ĐỘNG
CHO NHÂN VIÊN BỆNH VIỆN**

Kèm theo thông báo số 693 /NĐTW-HCQT ngày 17 tháng 6 năm 2024

I. Trang phục cho nhân viên

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
1	Trang phục Bác sỹ, Dược sỹ	- <i>Thành phần 01 bộ bao gồm:</i> Quần, áo, mũ, khẩu trang; - <i>Chất liệu, màu sắc:</i> vải Oxford VF26, màu Trắng - <i>Tiêu chuẩn vải:</i> Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - <i>Quy cách may:</i> Áo: áo Blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau sẽ giữa tới ngang hông. Có in logo Bệnh viện. Quần: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang :Theo màu sắc của áo.	Bộ	362
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	18
		Cộng: Bộ trang phục Bác sỹ, Dược sỹ	Bộ	380
2	Trang phục Điều dưỡng, Nữ hộ sinh	- <i>Thành phần 01 bộ bao gồm:</i> Quần, áo, mũ, khẩu trang; - <i>Chất liệu, màu sắc:</i> vải Oxford VF26 - <i>Tiêu chuẩn vải:</i> Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - <i>Quy cách may:</i> Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh nhạt, viền rộng 0,5 cm. Có in logo Bệnh viện. Quần: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau	Bộ	376
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	19
		Cộng: Bộ trang phục Điều dưỡng, Nữ hộ sinh	Bộ	395
3	Trang phục hộ lý, nhân viên y công.	- <i>Thành phần 01 bộ bao gồm:</i> Quần, áo, mũ, khẩu trang; - <i>Chất liệu, màu sắc:</i> vải Oxford VF26, màu xanh hoà bình - <i>Tiêu chuẩn vải:</i> Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính	Bộ	32

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
		<p>bằng số sợi/10cm: Dọc $\geq 286 \pm 10$; Ngang $\geq 250 \pm 5$. Khối lượng tính bằng g/m² $\geq 152 \pm 5$. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993).</p> <p>- Quy cách may: Áo: cổ trái tim cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước 2 túi, có khuy cài bên ngay trên ngực trái. Có in logo Bệnh viện. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang : Theo màu sắc của áo</p>		
		Dự phòng 10% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	4
		Cộng : Trang phục hộ lý, nhân viên y công	Bộ	36
4	Trang phục khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, tiết khuẩn	<p>- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo. - Chất liệu, màu sắc: vải Kate, màu xanh cổ vịt - Tiêu chuẩn vải: Visco (35 ± 5)%. Polyester (65± 5)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 300± 2; Ngang: 252 ± 2. Khối lượng tính bằng g/m²: 162 ± 2; Độ bền màu giặt: 4-5. Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C: Dọc: 0, ngang -1,5; - Quy cách may: +Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. + Quần: Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p>	Bộ	184
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	10
		Cộng: Trang phục khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, tiết khuẩn	Bộ	194
5	Trang phục Kỹ thuật viên	<p>- Thành phần 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu trắng - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34± 5)%. Polyester (66± 5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc $\geq 286 \pm 10$; Ngang $\geq 250 \pm 5$. Khối lượng tính bằng g/m² $\geq 152 \pm 5$. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, mùa hè ngắn tay, mùa đông dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Có in logo của Bệnh viện Quần: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ + khẩu trang : Theo màu sắc của áo</p>	Bộ	174
		Dự phòng 5% (làm tròn theo số bộ)	Bộ	9

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
		Cộng: Trang phục kỹ thuật viên	Bộ	183
6	Điều dưỡng khu vực đón tiếp, khoa khám bệnh, khoa khám bệnh theo yêu cầu Kim Chung	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 01 bộ bao gồm: Váy, mũ, khẩu trang; - Chất liệu, màu sắc: vải Kaki chun, màu trắng - Tiêu chuẩn vải: Thành phần: Visco (15,5±2)%. Polyester (80±5)%, Spandex (4,5±1)%. Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc – Sợi đơn có chun(Ne) 29,8/1; Ngang Sợi Filament có chun (Den) 241. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 488± 10; Ngang ≥ 410 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 265 ± 5. Kiểu dệt vân chéo 2/2. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Váy: Cổ sen 3 túi , chiều dài qua gối, có lé tay và túi , cổ có nơ. Có in Logo của bệnh viện. Mũ + Khẩu trang: theo màu sắc của váy. 	Bộ	36
		<i>Dự phòng 10% (làm tròn theo số bộ)</i>	Bộ	4
		Cộng: trang phục váy điều dưỡng	Bộ	40
7	Trang phục đoàn khách thăm quan và làm việc tại Bệnh viện	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần 01 bộ bao gồm: Áo blouse bác sỹ; - Chất liệu, màu sắc: vải Oxford VF26, màu Trắng - Tiêu chuẩn vải: Cotton (34±5)%. Polyester (66±5)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc ≥ 286± 10; Ngang ≥ 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàn lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5 (TCVN 7835-C10:2007). Độ bền với chất tẩy 4-5 (ISO 105-N01:1993). - Quy cách may: Áo: áo Blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, ngắn tay + dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau sẽ giữa tới ngang hông. Có in logo Bệnh viện. 	Chiếc	30

II. Bộ Vest cho lãnh đạo các đơn vị mới được bổ nhiệm và trang phục nhân viên khối hành chính

TT	Danh mục	Quy cách và yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	SL
1		Bộ Vest cho lãnh đạo các đơn vị mới được bổ nhiệm	Bộ	25
1.1	Bộ Vest nam (2 quần + 1 áo Vest)	<ul style="list-style-type: none"> Màu sắc: màu xanh navy Tiêu chuẩn vải: - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : 51,5/2 ± 1, ngang (Ne) : 30,4/1 ± 1; - Khối lượng (g/m2) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; 	Bộ	14

1.2	Bộ Vest nữ (01 quần + 01 chân váy + 01 áo Vest)	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : $-1,0 \pm 1$, ngang: $-0,5 \pm 1$; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : $0,08 \pm 1$; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h 	Bộ	9
1.3	Dự phòng 10% (làm tròn theo bộ)	<p>Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo vest nam: Thiết kế phom dáng đứng. Kiểu thiết kế cổ điển ve vếch chữ K phù hợp với mọi độ tuổi đáp ứng được nhiều môi trường làm việc khác nhau. Với thiết kế 2 khuy trước, trong đó có 1 khuy được gài, 1 khuy có thể thả lỏng, kết hợp với vạt tròn. - Áo vest nữ: Kiểu thiết kế cổ điển ve vếch chữ K cùng với thiết kế 2 khuy trước, trong đó có 1 khuy được gài, 1 khuy có thể thả lỏng, kết hợp với vạt tròn. Áo được thiết kế chiết eo. - Quần âu nam: cạp quai nhê, túi chéo, ly xuống, 1 túi hậu, có khuy, có đĩa quần. - Quần âu nữ: Cạp 4cm, đĩa 1cm, túi chéo 2 bên. - Chân đầm nữ: Túi coi sát cạp, Cạp rời 4cm, chiết ly trước cả sau, khóa giọt lệ, xẻ sau. 	Bộ	2
2	Trang phục nhân viên khối hành chính		Bộ	189
2.1	Bộ quần áo nam, nữ (quần dài, áo dài tay)	<p>Quy cách yêu cầu kỹ thuật của Áo Màu sắc: màu trắng. Tiêu chuẩn vải: <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo 2/1; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : $52,4/1 \pm 1$, ngang- sợi đơn có chun (Ne) : $38,4/1 \pm 1$; - Khối lượng (g/m²) : 148 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 69,1 ± 1; Visco: 28,1 ± 1; Spandex: 2,8 ± 1 - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 4; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : $-1,5 \pm 1$, ngang: 0 ± 1; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : $0,21 \pm 1$; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h </p>	Bộ	90
2.2	Bộ quần áo nam, nữ (quần dài, áo cộc tay)	<p>Quy cách may:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo sơ mi nữ :Áo được thiết kế kiểu cổ Đức, dáng chiết eo. Lá cổ vuông, bản cổ từ 5,5cm. Thân trước bỏ để cúp có ly ren. -Áo sơ mi nam: Áo được thiết kế kiểu cổ Đức, phom dáng đứng. Lá cổ vuông, bản cổ từ 5.5cm-8cm. Thân sau may không chiết ly, can cầu vai. Áo có may túi. <p>Quy cách, yêu cầu kỹ thuật của Quần: Màu sắc: màu xanh navy Tiêu chuẩn vải: <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : $51,5/2 \pm 1$, ngang (Ne) : $30,4/1 \pm 1$; - Khối lượng (g/m²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste 68,3 ± 1; Len 31,7 ± 1; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc </p>	Bộ	70

2.3	Bộ chân váy nữ (chân váy + áo cộc tay)	<ul style="list-style-type: none"> : $-1,0 \pm 1$, ngang: $-0,5 \pm 1$; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h <p>Quy cách, yêu cầu kỹ thuật của chân váy:</p> <p>Màu sắc: màu xanh navy</p> <p>Tiêu chuẩn vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Vân chéo kết hợp; - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc (Ne) : $51,5/2 \pm 1$, ngang (Ne) : $30,4/1 \pm 1$; 	Bộ	20
2.4	Dự phòng 5% (làm tròn theo bộ)	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng (g/m²) : 214 ± 1; - Thành phần nguyên liệu (%): Polyeste $68,3 \pm 1$; Len $31,7 \pm 1$; - Độ bền màu giặt C(3); 60°C (cấp) ≥ 2; - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc : $-1,0 \pm 1$, ngang: $-0,5 \pm 1$; - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72h (cấp) ≥ 4; - Độ lệch màu so với mẫu chuẩn (ΔE) : 0.08 ± 1 ; - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) : K.p.h <p><u>Quy cách may:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quần âu nam: cạp quai nhê, túi chéo, ly xuong, 1 túi hậu, có khuy, có đĩa quần. - Quần âu nữ: Cạp 4cm, đĩa 1cm, túi chéo 2 bên. - Chân đầm nữ: Túi coi sát cạp, Cạp rời 4cm, chiết ly trước cả sau, khóa giọt lệ, xẻ sau. 	Bộ	9

